TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 6 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Mỹ D, sinh năm 1984; Cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn S, sinh năm 1982; Cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Phạm Mỹ D trình bày*:

- Về hôn nhân: Chị D và anh S chung sống vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/8/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay chị D xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn S.

- Về con chung: Có một con chung tên Lê Tường V, sinh ngày 13/10/2007 người con, khi ly hôn nguyện vọng con ở với ai người đó nuôi dưỡng. Trường hợp con sống với chị D thì chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Lê Văn S:* Tại đơn tường trình ngày 09/6/2021, anh S xác định chị D có nhận nhiều cuộc gọi của nam giới và chung sống với người đàn ông khác như vợ chồng. Đối với con chung, anh yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng, nếu con có đau bệnh anh sẽ thăm nom và gửi tiền thêm, về tài sản chung là căn nhà anh S yêu cầu thương lượng với chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh S chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn năm 2012 theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, chị D xác định do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương. Tại đơn giải trình anh S không yêu cầu Tòa án hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh, chị nên đủ căn cứ xác định rằng mâu thuẫn giữa anh, chị thực tế có xảy ra, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị D được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét việc nuôi dưỡng con chung thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại văn bản ghi ý kiến của cháu Lê Tường V thể hiện, trường hợp cha mẹ ly hôn nguyện vọng cháu V muốn ở với mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con và anh S cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của chị D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Lê Tường V cho chị D nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, anh S chỉ đồng ý cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng. Tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"* và theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì: "*mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con".* Tại phiên tòa, chị D xác định thời gian anh, chị ly

thân, anh S có cấp dưỡng nuôi con được vài tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng do trước đây anh S làm công ty, sau này làm phụ hồ nên nay chị cũng đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của anh S. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung, cần buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 750.000 đồng/tháng là phù hợp, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sở thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị D xác định chị và anh S có một số tài sản chung như sau: Một phần đất ngang 10,0m, dài 15,0m, tọa lạc tại ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do anh S đứng tên quyền sử dụng đất; một căn nhà tiền chế cất trên đất, diện tích nhà ngang 5,0m, dài 15,0m; một chiếc xe mô tô hiệu Sirius do anh S đứng tên đăng ký xe. Hiện các tài sản đều do chị D trực tiếp quản lý, các giấy tờ thì do anh Sg quản lý. Ngoài ra, anh chị không còn tài sản chung nào khác. Chị D, anh S yêu cầu được tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về các vấn đề khác: Chị D, anh S xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Mỹ D.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Mỹ D được ly hôn anh Lê Văn S.

1.2. Về con chung: Giao Lê Tường V, sinh ngày 13/10/2007 cho chị Phạm Mỹ D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Tường V số tiền 750.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 17/6/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Lê Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị D đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Mỹ D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012057 ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn Sg phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc